| CÔNG TY CỔ PHẦN<br>BV LAND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 55/2024/CBTT - BVL | *Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2024* |

# CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: -Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. **Tên tổ chức: Công ty Cổ phần BV Land**
   - Mã chứng khoán: **BVL**
   - Địa chỉ: Số 92, phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
   - Điện thoại liên hệ: 024.355 60999 Fax:
   - E-mail: Website: https://bvland.vn
2. **Nội dung thông tin công bố:**
   Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần BV Land ban hành ngày 01./08/2024
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02./08/2024 tại đường dẫn https://bvland.vn/danh-muc-quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/

   Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:***
- Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần BV Land ban hành ngày 01./08/2024

**Đại diện tổ chức**
**Người đại diện theo pháp luật**

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LAND
BVland
M.S.D.N: 0102983609

**Tổng giám đốc**
**LÝ TUẤN ANH**

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LAND
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BV LAND
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Cầu Giấy, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN BV LAND, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102983609
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024-08-02 15:10:36
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LAND
Tầng 4, Tòa nhà Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội
0243.556.0999 www.bvgroup.vn

*Hà nội, ngày 01 tháng 08 năm 2024*

# QUY CHẾ

## Công bố thông tin của Công ty cổ phần BV Land

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 25/2024/QĐ/CT.HĐQT – BVL ngày 01 /08 /2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần BV Land)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định nội dung, trình tự và trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị trong Công ty Cổ phần BV Land ("Công ty") về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

a. Công ty Cổ phần BV Land;

b. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin và người quản lý khác theo quy định của Điều lệ; và các Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. "Công ty" là Công ty Cổ phần BV Land.

2. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm toán nội bộ; người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

3. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.

4. Người được ủy quyền công bố thông tin là người được Tổng Giám đốc Công ty ủy quyền thực hiện việc công bố thông tin và đăng ký, báo cáo theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 5 Quy chế này.

6. UBCKNN là viết tắt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. IDS là hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

8. VSDC là viết tắt của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

9. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty là: www.bvland.vn

**Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a. Người công bố thông tin phải chịu trách nghiệm trước pháp luật, các cổ đông và Công ty về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Người công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b. Việc công bố các thông tin cá nhân (bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân, số Chứng minh thư quân nhân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email...) chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

3. Người công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp Công ty công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo.

5. Trường hợp Công ty bị hủy niêm yết/hủy đăng ký giao dịch/hủy tư cách công ty đại chúng phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Quy chế này cho đến ngày hủy niêm yết/hủy đăng ký giao dịch/hủy tư cách công ty đại chúng có hiệu lực theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

**Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Người thực hiện công bố thông tin của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc - người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền thay mặt Tổng Giám đốc giải quyết các công việc trong thời gian Tổng Giám đốc vắng mặt có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

**Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin**

Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

1. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
2. IDS;
3. Hệ thống công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán;
4. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
5. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

**Điều 6. Nội dung công bố thông tin**

1. Công bố thông tin định kỳ:

1.1. Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất phải đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

1.2. Công ty phải Công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty; được lập theo quy định tại Điều 6.1.1.a Quy định này.

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết

luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét phải được công bố trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

1.3. Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định tại Điều 6.1.1.a Quy định này;

b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Báo cáo tài chính quý phải được công bố trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. Báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) được công bố trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

1.4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu trên, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

1.5. Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

1.6. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương

trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết.

1.7. Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

2. Công bố thông tin bất thường:

2.1. Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con,

công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;

j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét;

m)Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, Người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

o) Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

p) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;

2.2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 2.1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

2.3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 6.1.3.a Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

2.4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2.5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

2.6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

3. Công bố thông tin theo yêu cầu

3.1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết/đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

3.2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

4. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty

4.1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

4.2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

4.3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong số kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

5. Công bố thông tin của các đối tượng khác:

5.1. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

a) Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn;

b) Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

c) Quy định tại điểm a và b Khoản 5.1 Điều 5 cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

d) Quy định tại điểm a, b và c Khoản 5.1 Điều 5 không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu;

e) Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại điểm a, b, c Khoản 5.1 Điều 5.

5.2. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

a) Người nội bộ của Công ty (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch

dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể theo quy định tại Điều 33.1 Thông tư 96/2020/TT-BTC;

b) Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại điểm a Khoản 5.3 Điều 5 quy định này;

c) Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Khoản này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

**Điều 7. Quy trình công bố thông tin**

Quy trình công bố thông tin được thực hiện theo các bước sau:

***Bước 1. Gửi thông tin***

- Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan của Công ty phải ngay lập tức gửi thông tin đến Người công bố thông tin hoặc Phòng/Ban phụ trách việc công bố thông tin theo thời hạn quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố;
- Các bộ phận, cá nhân có liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu công bố thông tin cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, VSDC và công bố trên các phương tiện công bố thông tin.

***Bước 2. Xử lý thông tin***

Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người công bố thông tin/Phòng/Ban phụ trách công bố thông tin thực hiện theo trình tự:

- Kiểm tra thông tin;
- Đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
- Soạn thảo văn bản công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

***Bước 3. Trình phê duyệt văn bản công bố***

Phòng/Ban phụ trách công bố thông tin trình văn bản công bố thông tin để người công bố thông tin phê duyệt.

***Bước 4. Báo cáo và công bố***

- Các bộ phận liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Người công bố thông tin nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh;

- Sau khi chắc chắn rằng thông tin công bố chính xác, Người công bố thông tin công bố trên website của Công ty, hệ thống của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, VSDC hoặc gửi văn bản đến UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán, VSDC đảm bảo tuân thủ thời hạn đối với từng loại công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu.

***Bước 5. Bảo quản và lưu trữ thông tin***

Thông tin sau khi đã thực hiện Báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tại Công ty trong thời hạn như sau:

- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
- Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

**Điều 8. Trách nhiệm của người công bố thông tin**

Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, VSDC, cổ đông, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

**Điều 9. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các cá nhân, đơn vị**

- Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các thành phần liên quan cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này;
- Trưởng các Phòng/ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người công bố thông tin.
- Các phòng/ban chịu trách nhiệm về nội dung phải gửi thông tin cần công bố cho Người công bố thông tin trong thời hạn sau:

+ Đối với thông tin công bố trong vòng 24h: gửi thông tin cần công bố trong vòng 12h kể từ khi phát sinh sự kiện, không phụ thuộc ngày làm việc hay ngày nghỉ;

+ Đối với thông tin còn lại: gửi tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn công bố thông tin.

**Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

- Các đối tượng áp dụng Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định về công bố thông tin gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty theo quy định của pháp luật.
- Việc xử lý vi phạm được thực hiện theo quy định tại Nội quy lao động và các quy định nội bộ khác của Công ty.

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các cá nhân, các Phòng/Ban trong Công ty thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy chế này có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Người công bố thông tin hoặc bộ phận phụ trách công bố thông tin để được hướng dẫn và giải quyết.

4. Bất cứ vấn đề nào liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty chưa được cung cấp trong Quy chế này sẽ được quy định bởi pháp luật liên quan của Việt Nam về nghĩa vụ công bố thông tin, Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch nơi Công ty đăng ký giao dịch/niêm yết và các văn bản pháp luật liên quan./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LAND
M.S.D.N: 0102983609

CHỦ TỊCH HĐQT
Tạ Hoài Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LAND
Tầng 4, Tòa nhà Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân , Hà Nội
0243.556.0999 www.bvgroup.vn

**Phụ lục**

**Nội dung công bố thông tin**

*(Đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công ty ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ -HĐQT ngày 01/08 /2024 )*

**I. Công bố thông tin định kỳ:**

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Báo cáo tài chính Quý | Ban.TCKT | **20 ngày** kể từ ngày kết thúc quý hoặc **05 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng **không vượt quá 45 ngày** kể từ ngày kết thúc Quý.<br>(Cty là Cty mẹ của tổ chức khác thì phải công bố BCTC trong thời hạn | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Phụ lục 2 Thông tư 200/2014/TT-BTC | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **30 ngày kể từ ngày kết thúc quý**) | | | | |
| 2. | Báo cáo tài chính bán niên đã soát xét | P.TCKT | **05 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng **không được vượt quá 45 ngày** kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Phụ lục 2 Thông tư 200/2014/TT-BTC | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | (Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác thì phải công bố BCTC bán niên trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo nhưng không quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm) | - Gửi bản gốc hoặc bản sao công chứng về Sở giao dịch chứng khoán | | | |
| 3. | Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán | Ban.TCKT | **10 ngày** kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán. **Không vượt quá 90 ngày**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Phụ lục 2 Thông tư 200/2014/TT-BTC | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | - Gửi bản gốc hoặc bản sao công chứng về Sở giao dịch chứng khoán | | | |
| 4. | Giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:<br>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;<br>b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm | Ban.TCKT | Tương ứng với thời gian công bố Báo cáo tài chính Quý/Bán niên/Năm | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | | Giải trình kèm theo Báo cáo tài chính Quý/Bán niên/Năm |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;<br>c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. | | | | | | |
| 5. | Báo cáo thường niên | VP HĐQT | **Chậm nhất 20 ngày** kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm đã kiểm toán.<br>**Không vượt quá 110 ngày** kể từ ngày kết thúc năm tài chính. | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC | Thông tin tài chính trong BCTN phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán |
| 6. | Báo cáo tình hình quản trị công ty | VP HĐQT | Trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày kết thúc 06 | - IDS | UBCKNN | Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC | Gửi kèm bản dữ liệu điện tử Bảng cung cấp thông tin về |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch (trước **30/7 và 30/01** năm tiếp theo) | - Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | Sở giao dịch chứng khoán | | quản trị công ty theo Mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành |
| 7. | Đại hội đồng cổ đông thường niên | VP HĐQT | **Chậm nhất 21 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | | - Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.<br>- Tài liệu họp phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có). |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8. | Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch | VP HĐQT | - BC 6 tháng đầu năm: **chậm nhất 30/7**<br>- BC 6 tháng cuối năm: **chậm nhất 30/01 năm tiếp theo** | Gửi về Sở giao dịch chứng khoán | Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | - BC 6 tháng đầu năm: căn cứ trên DS cổ đông đc chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6<br>- BC 6 tháng cuối năm: căn cứ trên DS cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất chốt trước ngày 31/12. |

## II. Công bố thông tin bất thường:

Thời hạn công bố thông tin: 24h kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *1.* | ***Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT*** | | | | | |
| 1.1. | Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Biên bản họp/Biên bản kiểm phiếu | VP HĐQT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở | UBCKNN | | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | giao dịch chứng khoán<br>- Website | Sở giao dịch chứng khoán | | |
| 1.2. | Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn | VP HĐQT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.3. | - Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ;<br>- Ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;<br>- Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán. | VP HĐQT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |
| 1.4. | - Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức;<br>- Quyết định tách, gộp cổ phiếu. | VP HĐQT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.5. | - Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp;<br>- Thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm;<br>- Thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện | VP.HĐQT &KTNB | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |
| 1.6. | Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ | VP HĐQT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | | |
| 1.7. | Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty | - VP HĐQT<br>- Ban Kinh tế Kế hoạch | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | giao dịch chứng khoán<br>- Website | | | |
| 1.8. | Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật) | Ban TCKT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |
| 1.9. | - Ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng);<br>- Hủy hợp đồng kiểm toán đã ký. | Ban TCKT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.10. | - Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên VĐL của một tổ chức<br>- Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết;<br>- Quyết định bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết. | VP HĐQT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | | |
| 1.11. | Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét. | -VP.HĐQT&KTNB | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.12. | Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ | - VP.HĐQT&KTNB | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |
| 1.13. | Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan | - VP.HĐQT&KTNB | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | | |
| *2.* | ***Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành*** | | | | | |
| 2.1. | Thay đổi số lượng cổ phần có quyền biểu quyết (tính từ thời điểm công ty BC UBCKNN về kết quả phát hành) | VP.HĐQT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | (*) Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty (ESOP); công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin | | giao dịch chứng khoán<br>- Website | | | |
| 2.2. | Giao dịch cổ phiếu quỹ (tính từ thời điểm công ty BC kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ) | VP.HĐQT | | | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |
| *3.* | ***Khi có sự thay đổi về người nội bộ và người liên quan của người nội bộ*** | | | | | |
| 3.1. | Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ; | VP.HĐQT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | Gửi kèm Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo Phụ lục III ban hành kèm theo |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Thông tư 96/2020. |
| 3.2. | Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ | VP.HĐQT&KTNB | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | | |
| *4.* | ***Thay đổi quan trọng về tình hình hoạt động kinh doanh*** | | | | | |
| 4.1. | Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa | Ban TCKT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4.2. | Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; Thu hồi GCN đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh | VP.HĐQT& KTNB | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |
| 4.3. | Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế | - VP.HĐQT&KTNB<br>- Ban TCKT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |
| 4.4. | Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp | VP HĐQT&KTNB | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | giao dịch chứng khoán<br>- Website | | | |
| 4.5. | Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó | VP.HĐQT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |
| 4.6. | Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty | VP.HĐQT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4.7. | Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài | VP.HĐQT | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |

**III. Công bố thông tin bất thường khác**

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu | VP.HĐQT | - **Tối thiểu 10 ngày** trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến<br>- **Tối thiểu 20 ngày** trước | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do VSDC ban hành | - Gửi thông báo ngày ĐKCC tới VSDC đồng thời công bố trên các phương tiện CBTT: |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông | - Website | | | + Nghị quyết/quyết định của HĐQT về ngày ĐKCC;<br>+ Thông báo về ngày ĐKCC theo mẫu của VSDC;<br>+ Tài liệu khác (nếu có). |
| 2. | Tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường | VP.HĐQT | **Chậm nhất 21 ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do VSDC ban hành | - Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.<br>- Tài liệu họp phải được cập |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có). |
| 3. | Theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK | VP.HĐQT | **24h** kể từ khi nhận được yêu cầu | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | - Nêu rõ sự kiện được yêu cầu công bố;<br>- Nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện; giải pháp khắc phục (nếu có) |
| 4. | Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn | VP.HĐQT | | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | | |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5. | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài | VP.HĐQT | **24h** kể từ khi nhận được văn bản của UBCKNN về tỷ lệ sở hữu nước ngoài | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | - |
| 6. | Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ | VP.HĐQT | Trong thời hạn **07 ngày làm việc** kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu<br>Công bố thông tin báo cáo kết quả giao dịch | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất |

| STT | Nội dung | Bộ phận cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Nội dung chi tiết |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **trong thời hạn 10 ngày** kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu | | | | nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu. |

## IV. Công bố thông tin của các đối tượng khác

| STT | Nội dung | Cá nhân/Tổ chức cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Thông báo về ngày dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi (kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch). | - Người nội bộ<br>- Người có liên quan của Người nội bộ | Trước ngày thực hiện giao dịch dự kiến **tối thiểu 03 ngày làm việc** | - IDS<br>- Gửi Thông báo về Sở giao dịch chứng khoán (trực tiếp hoặc đường bưu điện)<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV thông tư 96/2020/TT-BTC | - Thực hiện công bố khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá hoặc theo giá phát hành gần nhất<br>- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch.<br>- Không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng |
| 2. | Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Báo cáo kết quả sau khi thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi (kể cả trường hợp chuyển | - Người nội bộ<br>- Người có liên quan của Người nội bộ | Trong thời hạn **05 ngày làm việc** kể từ ngày hoàn tất giao dịch hoặc kết thúc thời hạn giao dịch dự kiến | - IDS<br>- Gửi Báo cáo về Sở giao dịch chứng khoán (trực tiếp | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI Thông tư 96/2020/TT-BTC | |

| STT | Nội dung | Cá nhân/Tổ chức cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhượng không thông qua hệ thống giao dịch) | | | hoặc đường bưu điện)<br>- Website | | | ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó. |
| 3. | - Khi trở thành cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết;<br>- Khi không còn là cổ đông lớn | - Cổ đông lớn<br>- Nhóm người có liên quan | **05 ngày làm việc** kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán<br>- Website | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Phụ lục VII Thông tư 96/2020/TT-BTC | |
| 4. | Thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên | - Cổ đông lớn<br>- Nhóm người có liên quan | **05 ngày làm việc** kể từ ngày có sự thay đổi | - IDS<br>- Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán | UBCKNN<br>Sở giao dịch chứng khoán | Phụ lục VIII Thông tư 96/2020/TT-BTC | |

| STT | Nội dung | Cá nhân/Tổ chức cung cấp thông tin | Thời hạn CBTT | Phương tiện CBTT | Nơi nhận | Mẫu | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | số cổ phiếu có quyền biểu quyết | | | - Website | | | |
| 5. | Khi có sự thay đổi Người có liên quan của Người nội bộ | Người nội bộ | **03 ngày làm việc** kể từ ngày có sự thay đổi | Hệ thống CBTT của Sở giao dịch chứng khoán | Sở giao dịch chứng khoán | Theo mẫu do Sở giao dịch chứng khoán ban hành | |

***Lưu ý:***

- Nếu có sự thay đổi về mô hình tổ chức của Công ty, bộ phận cung cấp thông tin thay đổi phù hợp theo chức năng, nhiệm vụ của các Phòng/Ban;
- Mẫu công bố thông tin thay đổi tương ứng nếu có sự thay đổi về quy định của pháp luật, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết.